TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **221**/2018/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 24 tháng 8 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý 150/2018/TLST-HNGĐ ngày 13/6/2018 giữa:

* *Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thị Ngọc K,** sinh năm 1990;
Nơi ĐKHKTT: Số nhà 63, tổ 13, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;
Chỗ ở hiện nay: Số nhà 2/19, khu phố 1, phường Đ, quận 12, thành phố H
* *Bị đơn:* Anh **Trần Nam T,** sinh năm 1979;
Địa chỉ: Số nhà 63, tổ 13, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Ngọc K và anh Trần Nam T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Giao con chung là Trần Thiên A, sinh ngày 16/12/2012 cho chị Bùi Thị Ngọc K trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Giao con chung là Trần Nam K, sinh ngày 18/5/2009 cho anh Trần Nam T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Chị K và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau (do hai bên không có yêu cầu) và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung:* Chị Bùi Thị Ngọc K và anh Trần Nam T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Vay nợ chung*: Chị Bùi Thị Ngọc K và anh Trần Nam T không vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Bùi Thị Ngọc K tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N^{o} 0005239 ngày 13/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả cho chị K số tiền chênh lệch là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Anh Trần Nam T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Phạm Ngọc Hà

Nơi nhận
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND thành phố TQ (2 bản);
- THADS thành phố TQ (để thi hành);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ (để biết);
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.